



**FLEXI CLASSES**  
LTL LANGUAGE SCHOOL

# Chào hỏi

# Greetings

LEVEL  
INTRODUCTION

GRAMMAR

SG



# TODAY WE LEARN

# Hôm nay chúng ta học

1. Xin chào trong Tiếng Việt

Greetings in Vietnamese

2. Bạn tên là gì?

What's your name?

3. Đại từ nhân xưng ngôi thứ hai

Second person pronouns















How many languages can you greet in?

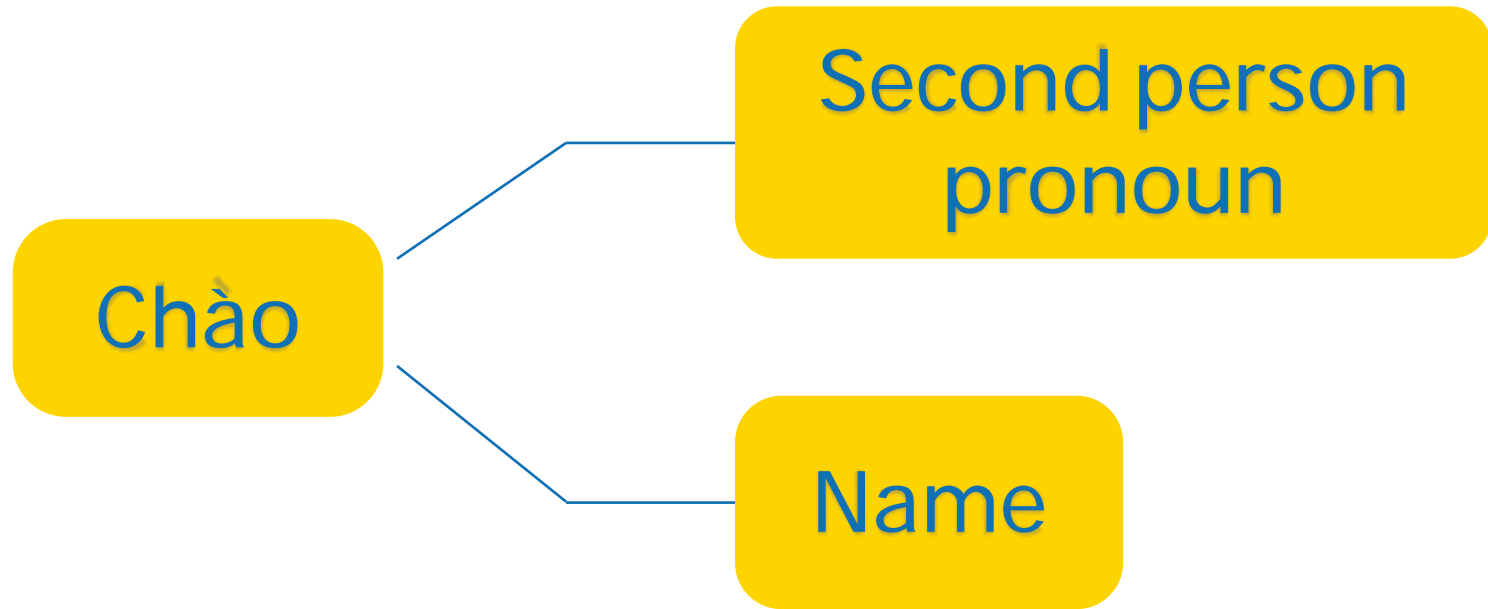




## Second person pronouns in Vietnamese

Age	Second person pronouns			
at your grand parents' age	Ông		Bà	
at your parents' age	Chú / Bác*		Cô / Dì	
older than you	Anh		Chị	
around your age	Bạn			
younger than you	Em			

*Bác\* is more common in the North*



- “Chào” can be used when you say goodbye
- To show politeness and respect to the elder, the word “ạ” could be placed at the end



Chào cô



Chào anh



Chào các bạn



Chào ông bà



Khỏe



Fine, in good health

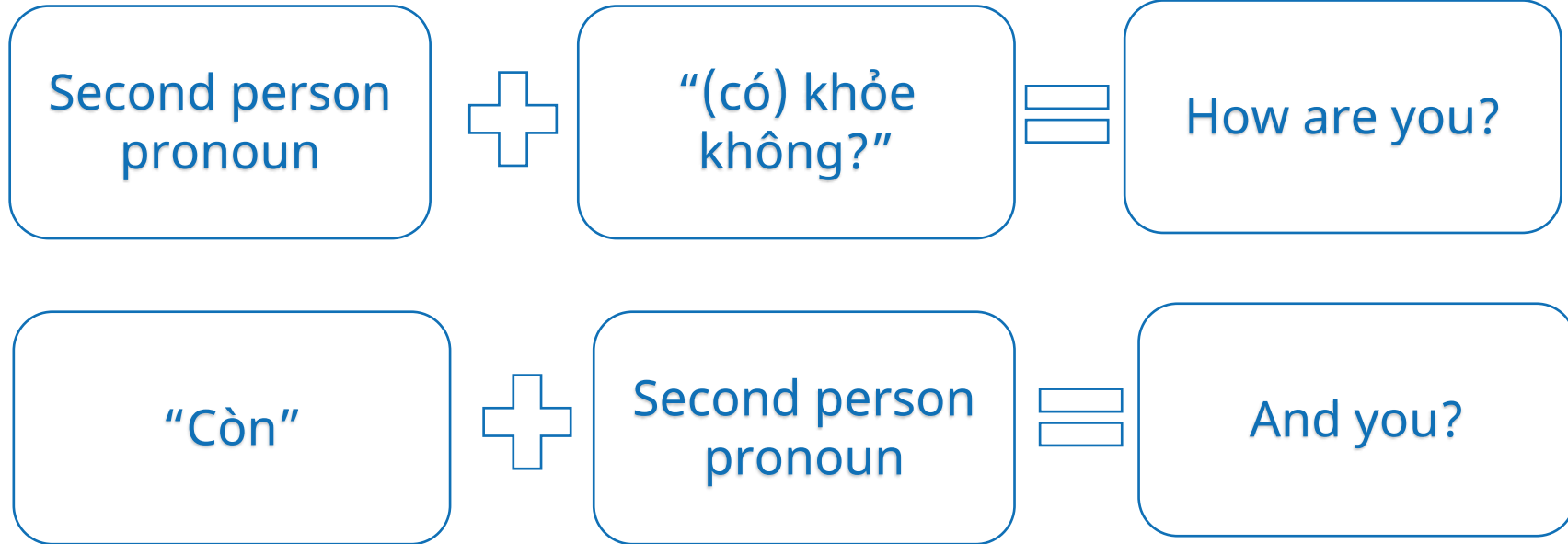
adj

Tên



Name

noun



A: Chào anh.

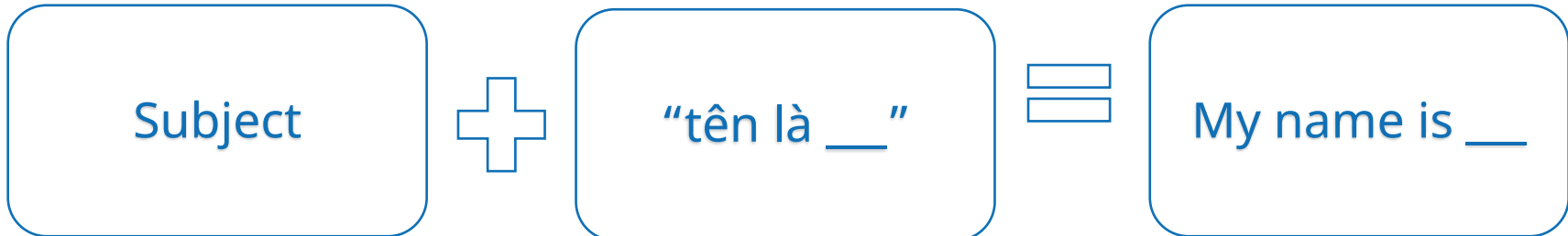
B: Chào em.

A: Anh khỏe không ?

B: Anh khỏe. Cảm ơn em. Còn em?

A: Dạ, em khỏe.





A: Chào bạn.

B: Chào bạn. Bạn tên là gì?

A: Tôi tên là Katie. Còn bạn.

B: Tên tôi\* là Tom.

\* Tên tôi = tôi tên



# PRACTICE

# Luyện tập

Work in pair. Complete the dialogue by using appropriate pronoun

1

A: Chào \_\_\_\_\_. \_\_\_\_\_ có khỏe không?

B: Cảm ơn \_\_\_\_\_. \_\_\_\_\_ khỏe. Còn \_\_\_\_\_?

A: \_\_\_\_\_ cũng khỏe. Cảm ơn \_\_\_\_\_.

2

A: Chào \_\_\_\_\_. \_\_\_\_\_ tên là gì?

B: Chào \_\_\_\_\_. \_\_\_\_\_ tên là \_\_\_\_\_.



# PRACTICE

# Luyện tập



Choose the correct word and fill in the blank

là      tên      khỏe      là      chào      gì

1. \_\_\_\_\_ anh. Anh có \_\_\_\_\_ không?

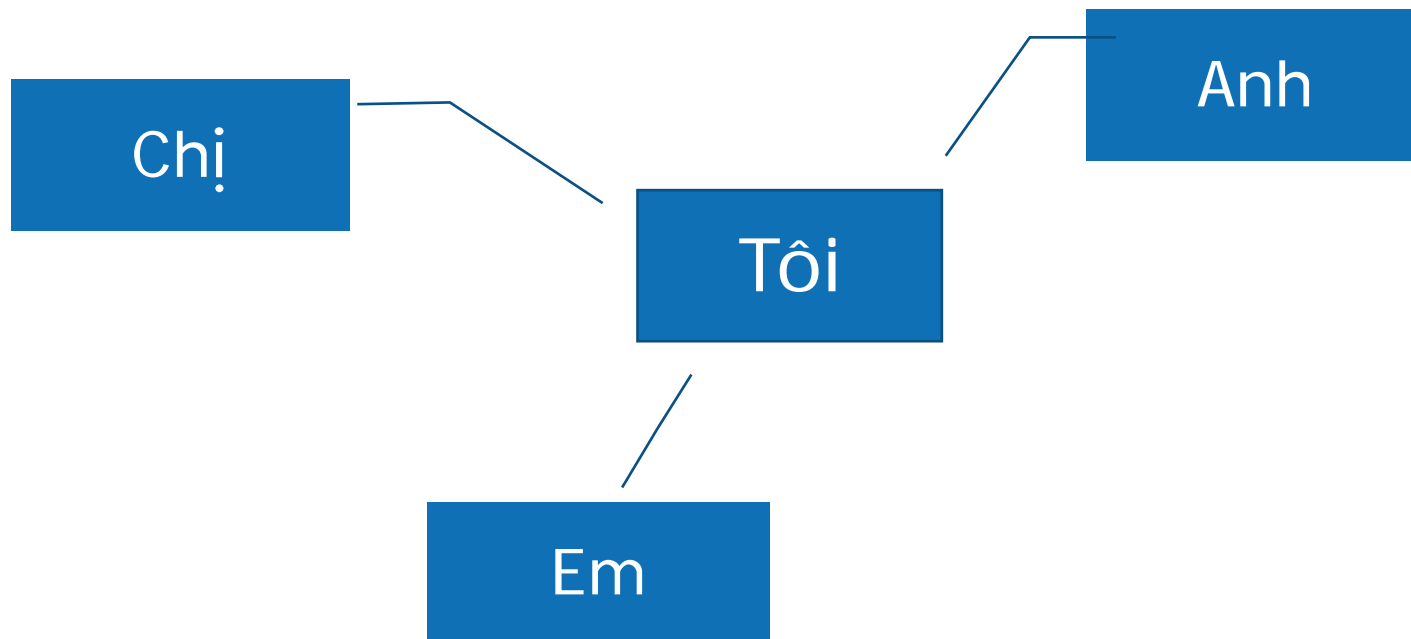
2. Xin lỗi, cô \_\_\_\_\_ là gì?

3. Tên tôi \_\_\_\_\_ Mai

4. Anh tên \_\_\_\_\_ ?



“Tôi” is rarely used in Vietnamese but people will use “em”, “anh”, “chị” or their name to refer themselves.





### Immersion Homework

Greet your classmates and teacher in the next classes.

Say “Bạn có khỏe không”, “Bạn tên là gì?” to your Vietnamese friends.





This study material was created by LTL Online School and can be used for free by anyone who wants to learn this beautiful language.

## **LEARN, TRAVEL, AND LIVE THE LANGUAGE (LTL)**

Want to learn another language?

**Japanese** [www.flexiclass.com/online-japanese-courses](http://www.flexiclass.com/online-japanese-courses)

**Korean** [www.flexiclass.com/online-korean-courses](http://www.flexiclass.com/online-korean-courses)

**Mandarin** [www.flexiclass.com/online-chinese-courses](http://www.flexiclass.com/online-chinese-courses)

**Hokkien** [www.flexiclass.com/online-hokkien-courses](http://www.flexiclass.com/online-hokkien-courses)

**Shanghainese** [www.flexiclass.com/online-shanghainese-courses](http://www.flexiclass.com/online-shanghainese-courses)

**Cantonese** [www.flexiclass.com/online-cantonese-courses](http://www.flexiclass.com/online-cantonese-courses)

## **LEARN CHINESE IN CHINA**

**Beijing** [www.ltl-beijing.com](http://www.ltl-beijing.com)

**Taipei** [www.ltl-taiwan.com](http://www.ltl-taiwan.com)

**Shanghai** [www.ltl-shanghai.com](http://www.ltl-shanghai.com)

**Singapore** [www.ltl-singapore.com](http://www.ltl-singapore.com)

**All Destinations** [www.ltl-school.com](http://www.ltl-school.com)